

Trong thời kỳ buôn bán sơ khai, người ta đã từng nhìn doanh nghiệp (DN) như một chiếc thuyền buôn ra khơi từ quá trình hình thành và hoạt động của nó. Trước tiên, là giai đoạn chuẩn bị đóng thuyền, tuyển chọn thủy thủ, trang bị các phương tiện cho chiếc thuyền, và đăng ký phương tiện kinh doanh này với chính quyền địa phương để có số đăng bạ đặt tên thuyền, chủ chiếc thuyền là ai, danh sách thủy thủ, sức trọng tải tối đa của thuyền. Tức là nhà chức trách hành chính đã trao cho chiếc thuyền mới này những tư cách pháp lý và nghề nghiệp đồng thời nhắc nhở người chủ không được chở hàng quá mức trọng tải, phải tuân theo những quy định quốc tế và quốc nội về hàng hải, thương mại v.v... Vào thời kỳ này, chiếc thuyền tượng trưng cho một chủ thể kinh doanh, một doanh nghiệp có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ. Chủ thể mới này có thể do một người bỏ vốn hay do nhiều người cùng góp công sức, tiền của làm nên. Những hình ảnh ban đầu này qua lịch sử hoạt động nhiều thế kỷ, đã dẫn đến khái niệm doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần nhiều người cùng góp vốn. Còn về tính sở hữu, dù là một người hay nhiều người ra vốn, họ đều có đầy đủ pháp lý về quyền làm chủ chiếc thuyền đã đăng ký hợp lệ này, tức là họ được làm chủ sở hữu tư liệu sản xuất mà thôi. Trường hợp thuyền ra khơi đi buôn bị đắm, thuyền chủ chỉ chịu trách nhiệm trên số hàng thật sự chuyên chở, còn tài sản khác của họ trên bờ thì không liên can tới. Nhưng cũng có trường hợp chủ thuyền phải dùng cả tiền của riêng đã tích lũy để đền bù cho người bị thiệt hại do một phán quyết của tòa án rằng thiệt hại gây ra hoàn toàn do lỗi của chủ thuyền đã không hành sử đúng mức những nguyên tắc nghề nghiệp chuyên môn do luật quy định. Từ thực tiễn đó, dần dần phát sinh ra khái niệm "trách nhiệm hữu hạn" và "trách nhiệm vô hạn"... mà ngày nay chúng ta thường nghe nói tới, vì nhiều quốc gia đã pháp chế hóa những hình thức trách nhiệm này.

Tại nước ta, trong quá trình đổi mới kinh tế và hội nhập vào hoạt động thương mại với cộng đồng quốc tế, Quốc hội đã thông qua Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân năm 1990 và có hiệu lực áp dụng đến cuối năm 1999. Trong quá trình thực hiện gần 10 năm đã có nhiều nội dung cần phải được sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn khách quan và chuyển biến của hạ tầng cơ sở, nên nhà nước ta đã có Luật doanh nghiệp mới có hiệu lực thi hành từ 1.1.2000. Vậy tính pháp lý và hoạt động của doanh nghiệp tư nhân trong luật cũ và Luật doanh nghiệp mới, có nội dung đặc thù và đổi mới ra sao về nội dung của quyền sở hữu, quyền được độc lập tự chủ trong kinh doanh?

I. PHÁP LÝ VỀ QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN TƯ LUẬT DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ÁP DỤNG NĂM 1991

QUAN HỆ SỞ HỮU TÀI SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGÀY MỘT NÂNG CAO THEO LUẬT DOANH NGHIỆP

NGÔ NGỌC BỬU & TRƯƠNG ĐÌNH HẸ

Kể từ sau đại hội Đảng lần thứ VI, năm 1986, với tư duy đổi mới kinh tế và mở rộng cánh cửa hội nhập vào cộng đồng quốc tế trong các lãnh vực khoa học công nghệ, trong mục tiêu phát triển nền kinh tế và định hướng XHCN; Quốc hội đã thông qua Luật doanh nghiệp tư nhân và Luật công ty, có hiệu lực áp dụng từ ngày 15.4.1991. Cả 2 luật này đều xác định chủ thể kinh doanh chỉ mới được quyền sở hữu về tư liệu sản xuất mà thôi (điều 4 Luật doanh nghiệp tư nhân và điều 5 luật công ty). Tính sở hữu giới hạn này là phù hợp với Hiến pháp năm 1980. Ngoài ra, theo dân luật (civil code) thì doanh nghiệp chỉ có quyền thừa kế về vốn và tài sản; đồng thời trên quan điểm hành chính - chính trị, nhà nước xác định sự bảo

hộ các quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, tôn trọng sự tồn tại lâu dài và phát triển, thừa nhận sự bình đẳng trước pháp luật của DNTN với các doanh nghiệp khác và tính sinh lợi hợp pháp của kinh doanh.

Như vậy, Luật DNTN cũ chưa mở rộng cánh cửa về quyền sở hữu các loại tài sản của DNTN, chỉ nêu quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và cũng không nói đến quy mô nâng cao đến giới hạn là bao nhiêu của những tư liệu sản xuất này. Nghị định hướng dẫn thi hành Luật DNTN của Hội đồng bộ trưởng đã ấn định vốn pháp định từng ngành, nghề của DNTN từ 20 triệu đến 250 triệu là tối đa, đã nói lên tính quy mô nhỏ và vừa của doanh nghiệp tư nhân mà nhà nước công nhận quyền được ra đời, hoạt động đan xen với những loại doanh nghiệp khác trong bối cảnh kinh tế thị

trường. Còn phạm vi và nội dung hoạt động kinh doanh của DNTN thì Luật đã có khuynh hướng mở rộng cánh cửa, giúp cho bàn tay năng động của doanh nhân thể hiện được tính độc lập và sáng tạo trong mục tiêu kinh tế phát triển, tạo thêm việc làm cho người lao động.

II. NỘI DUNG VÀ PHẠM VI, HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Luật DNTN năm 1991 đã cho phép chủ doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh và chủ động về

mọi hoạt động kinh doanh của mình, trong khuôn khổ pháp luật. Nhưng đồng thời nhà nước cấm một số ngành nghề không cho DNTN tự do hoạt động. Muốn được tham gia hoạt động những ngành, nghề này thì phải được Thủ tướng chính phủ cho phép, như sản xuất và lưu thông hóa chất có tính độc hại, thuốc nổ; khai thác các loại khoáng sản quý; sản xuất và cung cấp điện, nước có quy mô lớn; các phương tiện phát sóng truyền tin, dịch vụ bưu chính viễn thông, truyền thanh, truyền hình, xuất bản; ngành vận tải viễn đường và vận tải hàng không; chuyên kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu và du lịch quốc tế. Những ngành nghề này hầu hết do doanh nghiệp nhà nước độc quyền sản xuất kinh doanh vì

tính chủ đạo đối với hoạt động kinh tế quốc gia. Đồng thời, quy định của Hội đồng bộ trưởng, cụ thể hóa một số điều trong Luật DNTN theo Nghị định số 221 - HDBT ngày 23.7.1991, đã đưa ra một số ngành nghề được nhà nước khuyến khích để DNTN tham gia hoạt động, đó là: sản xuất hàng xuất khẩu, các sản phẩm chủ yếu cho sản xuất và đời sống; sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu (kể cả thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế); sản xuất hàng

Mặc dù luật quy định về quyền sở hữu tài sản còn hạn hẹp, phạm vi và quy mô hoạt động chưa cao, nhưng kinh tế tư nhân nói chung, trong đó có sự đóng góp của DNTN, đã tiến những bước đột phá cao độ trong lãnh vực thu hút và tạo việc làm cho người lao động và đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế tính trên GDP (xem bảng 1); đồng thời đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào tổng thu ngân sách nhà nước cũng đem lại kết quả đáng kể. (xem bảng 2)

Bảng 1: Thu hút lao động và đóng góp của kinh tế tư nhân

	1990	1991	1992	1993	1994	1995
1. Tổng số lao động làm việc	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
- Khu vực nhà nước	11,28	10,12	9,36	9,05	8,70	8,66
- Khu vực tư nhân	88,72	89,88	90,64	90,95	91,30	91,34
2. Tỷ trọng trên GDP (%)						
- Khu vực quốc doanh trong GDP %	32,50	33,30	36,20	39,20	40,20	42,20
- Khu vực tư nhân trong GDP (%)	67,50	66,70	63,80	60,80	59,80	57,80

Nguồn: Tổng cục thống kê

Bảng 2: Cơ cấu thu ngân sách nhà nước

	1991	1992	1993	1994	1995
+ Tỷ lệ thu thuế và phí trên tổng thu ngân sách nhà nước (%)	95,08	88,07	90,79	89,98	94,67
- Tỷ lệ thu thuế, phí từ khu vực quốc doanh trên tổng thu thuế, phí (%)	38,80	31,70	29,90	30,70	29,80
- Tỷ lệ thu thuế, phí từ khu vực DNTN trên tổng thu thuế, phí (%)	19,70	21,20	19,60	17,30	16,40
- Tỷ lệ thu thuế, phí từ khu vực ngoài quốc doanh trên tổng thu (%)	9,60	9,90	10,70	10,60	11,30
- Tỷ lệ thu thuế, phí từ nông nghiệp (ngoài quốc doanh) trên tổng thu (%)	7,20	7,00	4,70	3,10	2,40

Nguồn: Bộ tài chính

dệt, may mặc, da giày thủ công mỹ nghệ; khai thác chế biến nông lâm thủy sản để xuất khẩu; sản xuất phân hóa học, hóa chất cơ bản; trồng rừng và khai thác các vùng đất trống, đồi trọc; đóng mới, sửa chữa các phương tiện vận tải chuyên dùng và xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ chung trên cả nước hoặc trong địa bàn thành phố...Để cụ thể hóa việc khuyến khích DNTN hoạt động các ngành nghề nêu trên, nhà nước đưa ra một số ưu đãi, như: được miễn, giảm một số loại thuế theo quy định của luật thuế; ưu tiên xem xét giải quyết đất để xây dựng cơ sở sản xuất mới hoặc mở rộng cơ sở sản xuất hiện có; được tạo điều kiện thuận lợi trong việc xuất, nhập khẩu - nhất là xuất khẩu - các sản phẩm do chính cơ sở sản xuất...Ngoài ra, có một số ngành nghề được chấp thuận cho DNTN hoạt động thì phải tuân thủ những điều kiện chặt chẽ do bộ quản lý ngành và UBND tỉnh quy định như: một số lãnh vực thuộc ngành khai khoáng, năng lượng, sản xuất và lắp ráp điện tử, các sản phẩm nhựa, cao su, sản xuất phân hóa học, thuốc trừ sâu v.v...

Vậy là Luật DNTN năm 1991 đã có tác dụng kích thích và đặt nền tảng ban đầu cho một thành phần kinh tế có khả năng thu hút nhiều lao động đóng góp tích cực vào mức tăng trưởng chung của nền kinh tế cũng như tích tụ được đồng vốn nhân rồi và nâng cao chỉ tiêu nộp thuế vào ngân sách nhà nước. DNTN vừa là tiền đề trong lý luận và thực tiễn về tính hiệu quả trong quản lý, kinh doanh và có hướng đi đầu tư lâu dài vừa tạo ra bước cạnh tranh lành mạnh trong tính đa dạng của nền kinh tế thị trường. Nhưng Luật DNTN cũ có còn thích hợp với hoàn cảnh khách quan khi bước vào thiên niên kỷ sắp tới hay không, có đáp ứng được những yêu cầu bức xúc của động lực phát triển, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước hay không, có trang bị cho chủ doanh nghiệp đầy đủ nội lực, tư duy và sách lược để có thể thích ứng với yêu cầu kinh tế xã hội mới, khoa học, công nghệ và tính cạnh tranh ngày một nâng cao hay không?

Ý thức được những nhu cầu cấp bách nói trên, Quốc hội đã thông qua Luật doanh nghiệp mới, áp dụng từ đầu năm 2000, với sự đa dạng chủ

thể, xen lẫn tính đa dạng sở hữu với nhiều nội dung pháp lý, thẩm quyền hoạt động tiến bộ, tạo ra hành lang định chế thông thoáng, tư duy quản lý khoa học để hội nhập và nâng cao trình độ.

III. TÍNH SỞ HỮU TÀI SẢN VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP THEO LUẬT MỚI

1. Về sở hữu tài sản của doanh nghiệp nói chung, căn cứ vào nội dung nhiều đạo Luật đã ban hành có liên quan đến quyền sở hữu và hoạt động kinh doanh, như luật dân sự, Luật thương mại, lao động, khuyến khích đầu tư trong nước và luật xuất nhập khẩu...cho nên nội dung quy định trong Luật doanh nghiệp về sở hữu có tầm vóc cao hơn trước đây, có tầm mở rộng theo dõi cánh ngày càng bay cao từ nội dung của quan hệ dân sự, như Luật định rằng: "doanh nghiệp có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của mình" (điều 7 khoản 1 Luật doanh nghiệp).

* Khái niệm quyền chiếm hữu là quyền của chủ sở hữu tự mình nắm giữ, quản lý tài sản thuộc sở hữu của mình. Cụ thể, là chủ DNTN có quyền ở ngay tại nhà xưởng sản xuất để quản lý, trông coi, giữ gìn tài sản đó. Nhưng cũng có thể người chủ sở hữu không trực tiếp chiếm hữu mà giao cho một người khác làm thay cho mình, đó là trường hợp người được chủ sở hữu ủy quyền quản lý tài sản (điều 190 khoản 2 Luật dân sự). Người được chuyển giao quyền chiếm hữu phải thông qua một hợp đồng giao dịch dân sự phù hợp với ý chí của người chủ sở hữu và người được chuyển giao quyền chiếm hữu phải thực hiện đúng nghĩa vụ mà mình đã cam kết không vượt quá nội dung ủy quyền, phù hợp với mục đích, nội dung giao dịch. Riêng về quyền chiếm hữu, Luật dân sự có 09 điều khoản, trong đó có quyền chiếm hữu không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình (điều 195); chiếm hữu liên tục (điều 196) và chiếm hữu công khai (điều 197).

* Khái niệm quyền sử dụng là quyền của chủ sở hữu khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản. Người không phải là chủ sở hữu cũng có quyền sử dụng tài sản trong các trường hợp được chủ sở hữu chuyển giao quyền sử dụng thông qua một hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật và phải sử dụng tài sản đúng tính năng, công dụng, đúng phương thức. Một chủ thể có thể thực hiện quyền chiếm hữu liên tục, công khai, ngay tình, họ có cả quyền sử dụng lâu dài một bất động sản, nhưng chủ thể này không phải là chủ sở hữu thực sự, vì họ chỉ được ủy quyền thực hiện mà thôi.

* Khái niệm về quyền định đoạt

là đôi cánh bay cao trong khung pháp luật về quyền sở hữu tài sản. Quyền định đoạt là quyền của chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu tài sản của mình cho người khác hoặc từ bỏ quyền sở hữu đó. Chủ sở hữu có thể tự mình bán, trao đổi, tặng cho, cho vay, để thừa kế, từ bỏ hoặc thực hiện các hình thức định đoạt khác đối với tài sản. Chủ sở hữu có thể ủy quyền cho người khác định đoạt tài sản thay cho mình. Việc định đoạt có thể bị hạn chế đối với tài sản đã bị kê biên, cầm cố, thế chấp. Đây là những quy định cơ bản về kiến thức của quan hệ dân sự mà doanh nghiệp phải tuân thủ để khỏi bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi tự họ bán tài sản đem cầm thế hay đã bị kê biên theo pháp luật.

2. Trong hoạt động kinh doanh, chủ doanh nghiệp có quyền chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, kể cả liên doanh góp vốn vào doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh. Hiến pháp năm 1992 cũng khẳng định, kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư nhân được chọn hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, được thành lập doanh nghiệp không bị hạn chế về quy mô hoạt động trong những ngành nghề có lợi cho quốc kế dân sinh. Kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển (điều 21 Hiến pháp).

3. Trong quan hệ giao dịch, doanh nghiệp có quyền chủ động tìm kiếm thị trường, tìm kiếm khách hàng và ký kết hợp đồng. Riêng về lãnh vực ký kết hợp đồng, hiện nay và kể cả sau năm 2000 hầu hết các loại doanh nghiệp đều có quyền ký kết hợp đồng kinh tế, hợp đồng thương mại, xuất nhập khẩu và 13 loại hợp đồng dân sự thông dụng như hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng gia công, bảo hiểm và hợp đồng ủy quyền v.v. ...

4. Doanh nghiệp có quyền lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn (điều 7 khoản 4 Luật DN). Riêng về thẩm quyền phát hành cổ phiếu, chứng khoán, Luật doanh nghiệp chỉ cho phép công ty cổ phần mới có quyền phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định của Luật về chứng khoán (điều 51, khoản 2) còn những loại hình công ty, doanh nghiệp khác thì không có quyền này.

5. Doanh nghiệp có quyền kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu và tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh. Luật lao động đã mở rộng thẩm quyền của mọi loại doanh nghiệp đều được tự chọn người lao động để ký kết hợp đồng, ngoại trừ các doanh nghiệp và tổ chức nước ngoài đặt trụ sở tại Việt Nam vẫn còn một vài hạn chế có tính hành chính. Những quy định của chính phủ về

hoạt động nhập khẩu, sản xuất hàng xuất khẩu ngày càng mở rộng để mọi chủ thể kinh tế đều được tham gia, giảm dần những hạn chế và độc quyền xuất nhập khẩu.

6. Doanh nghiệp có quyền tự chủ kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh. Trong quá trình gia nhập AFTA và thực hiện Hiệp định CEFT vào năm 2003, thì việc hiện đại hóa công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm là vô cùng cấp thiết để có thể cạnh tranh được với hàng hóa của các quốc gia khác trong khu vực ASEAN cũng như tham gia vào thị trường châu Âu, Mỹ...

7. Theo pháp luật hiện hành, doanh nghiệp có quyền từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cơ quan, cá nhân hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích. Hiện nay đã có Luật khiếu nại, tố cáo cho phép công dân có quyền tố cáo những hành vi trái pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức. Và cần lưu ý là các khoản doanh nghiệp tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích, dù lớn hay nhỏ, đều không được xin khấu trừ là chi phí hợp lý trong việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Đối với các khoản tiền doanh nghiệp tài trợ cho đội bóng đá quốc gia, cấp học bổng cho học sinh nghèo, giúp cô nhi viện cũng không được coi là chi phí hợp lý theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ trường hợp họ mã hóa các hành vi tự nguyện này bằng một hợp đồng quảng cáo (điều 9 Luật thuế TNDN).

8. Về vốn đầu tư của DNTN do chủ doanh nghiệp tự khai báo chính xác tổng số vốn đầu tư, trong đó nêu rõ số vốn bằng tiền VN, ngoại tệ, vàng và các tài sản khác. Vốn là máy móc, bất động sản thì phải ghi rõ chất lượng, giá trị còn lại của nó. Toàn bộ vốn, tài sản, kể cả vốn vay, tài sản thuê được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải ghi chép đầy đủ vào sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Trong quá trình hoạt động, DNTN có quyền tăng hoặc giảm vốn đầu tư của mình, ghi chép đầy đủ vào sổ sách kế toán. Chủ DNTN có toàn quyền quyết định về hoạt động kinh doanh, sử dụng lợi nhuận sau khi đã nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác. Chủ DNTN có thể thuê người khác điều hành quản lý doanh nghiệp thay cho mình; khi thuê người làm giám đốc doanh

nh nghiệp thì phải khai báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và vẫn phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của DN. Chủ DNTN là người đại diện theo pháp luật, là nguyên đơn, bị đơn, hoặc người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan trước tòa án hay cơ quan trọng tài trong những tranh chấp liên quan đến doanh nghiệp. Chủ DNTN cũng có quyền cho thuê toàn bộ DN của mình qua một hợp đồng dân sự có công chứng và thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh, thuế. Trong thời gian cho thuê, chủ DNTN vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật với tư cách là chủ sở hữu DN. Chủ DNTN cũng có quyền bán DN cho người khác sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ hành chính, công nợ và các nghĩa vụ tài sản khác mà DN chưa thực hiện. Người mua DN phải thực hiện việc đăng ký kinh doanh lại, tuân thủ luật lệ và nhất là những quy định về lao động. Chủ DNTN có quyền tạm ngưng hoạt động kinh doanh, báo cáo bằng văn bản thời hạn tạm ngưng cho cơ quan đăng ký và cơ quan thuế biết chậm nhất là 15 ngày trước khi DN tạm ngưng hoạt động. Trong thời gian ngưng hoạt động, chủ DN phải nộp đủ số thuế còn thiếu, chịu trách nhiệm với các chủ nợ và việc thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng và người lao động, trừ trường hợp họ có thỏa thuận khác với nhau. Và nhiều quy định khác nằm rải rác trong hệ thống pháp luật hiện hành tại nước ta có liên quan đến doanh nghiệp.

Những điều phân tích, trình bày trên đây chủ yếu hướng vào tính sở hữu và hoạt động của DNTN, nhưng cũng nói lên được phần nào khả năng định chế ngày càng mở rộng thênh thang trước ngưỡng cửa đi vào thiên niên kỷ mới cho chủ thể doanh nghiệp nói chung và DNTN nói riêng. Đó là những tín hiệu xanh đáng mừng cho tương lai của nền kinh tế và hoạt động thương mại trong quá trình hội nhập. Về quan hệ quốc tế, chủ thể DNTN còn là một tế bào trên thang bậc chủ đạo của những tiêu chuẩn để các quốc gia được gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO); là định hướng tổ chức pháp nhân kinh tế phổ thông trong thế kỷ này và đầu thế kỷ 21 về tính hiệu quả và năng suất lao động; là bánh xe để thu hút nguồn lao động chưa toàn dụng trong xã hội; là tiêu chuẩn để hoạt động quản lý nhà nước phân định rõ đâu là tài chính công - khác với tài chính tư hữu và đó cũng là ngọn hải đăng chỉ lối cho cơ quan thuế được mùa trong việc thu thuế thu nhập doanh nghiệp và thu nhập cá nhân khi mà lợi tức tính trên đầu người ngày một nâng cao ■